

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ - ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2025
V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Hương
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị P, S năm 1990 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức S, S năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - chị Lương Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đức S ngày 28/02/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau kết hôn, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh S. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S chơi bời, không quan tâm hay giúp đỡ gì cho

chị trong việc chăm lo cho gia đình, anh S nghiện ma túy từng phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2024 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hà V ngày 06/12/2008 và Trần Quốc T S ngày 29/01/2011. Cả hai con chung vẫn đang ở cùng anh chị. Ly hôn, tôn trọng sự lựa chọn của các con, các con mong muốn ở cùng ai, chị đồng ý. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Đức S trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị P trình bày là đúng. Năm 2022, anh bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ly hôn. Anh mong muốn chị P suy nghĩ lại, cho anh cơ hội để sửa chữa, để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hà V sinh ngày 06/12/2008 và Trần Quốc T sinh ngày 29/01/2011. Cả hai con chung vẫn đang ở cùng anh chị. Ly hôn, anh tôn trọng sự lựa chọn của các con, các con mong muốn ở cùng ai, anh cũng đồng ý. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2025, cháu Trần Thị Hà V và cháu Trần Quốc T là con chung của chị P và anh S đều trình bày:** Do nhà của ông bà nội và nhà của mẹ cháu gần nhau nên có khi cháu ở cùng mẹ, có khi lại ở cùng bố tại nhà ông bà nội. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu mong muốn được ở cùng mẹ cháu.

*** UBND xã Kim Xá cho biết:** Ngày 28/02/2008, UBND xã Kim Xá thực hiện đăng ký kết hôn cho chị P và anh S. Sau khi kết hôn, chị P về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh S. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ vì không thấy các đương sự có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải, chỉ biết chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng 4, 5 tháng nay, anh chị đã sống ly thân nhau. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hà V sinh ngày 06/12/2008 và Trần Quốc T sinh ngày 29/01/2011. Cả hai con chung vẫn đang

ở cùng chị P. Chị P và anh S đều làm nghề tự do, thu nhập cụ thể bao nhiêu địa phương không rõ. Các bên đều có điều kiện nuôi con. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh chị có tài sản gì, nợ ai tài sản gì chúng tôi không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị P xin ly hôn anh Trần Đức S. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị P nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Đức S, anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ Hôn nhân và gia đình giữa chị Lương Thị P và anh Trần Đức S thấy rằng:

Chị Lương Thị P và anh Trần Đức S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký tại UBND xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 28/02/2008 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn các đương sự thừa nhận là do anh S nghiện ma túy không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng S ra

va chạm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị P và anh S đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2024 cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lương Thị P và anh Trần Đức S đã đến mức căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh S là phù hợp. Về phía anh S, trong một thời gian dài không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nên nguyện vọng xin đoàn tụ của anh S là không thực tâm, không được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Để đảm bảo cuộc sống S hoạt, tâm S lý của các cháu được ổn định, cần giao cháu Trần Thị Hà V và Trần Quốc T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và các đương sự. Chị P và anh S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Do các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Lương Thị P được ly hôn anh Trần Đức S

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung là Trần Thị Hà V sinh ngày 06/12/2008 và Trần Quốc T sinh ngày 29/01/2011. Cả hai con chung vẫn đang ở cùng chị P và anh S. Chị P và anh S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005338 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án.

5. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi 6 hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Kim Xá (để biết);
- Các đương sự;
- LuuHSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang